

Bản án số: 09/2018/HC-PT

Ngày: 07-11-2018

V/v khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dựng hàng rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Vũ Hoàng Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phướctham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25/10/2018 và 07/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2018/TLST-HC ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc “*Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ về hành vi dựng hàng rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ*”,

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2018/QĐPT-HC ngày 10/8/2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đặng Đình Q, sinh năm 1949; địa chỉ: Tổ 03, ấp S, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Ông Dương Vĩnh T- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Đường Nguyễn Huệ nối dài, tổ 3, khu phố 1, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước(có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Hoàng Phúc, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/7/2018, có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân huyện H; địa chỉ: Quốc lộ 13, ấp 2, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Minh H, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn C, chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H. (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/2/2018, có đơn đề nghị vắng mặt)

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà Vũ Thị T, Sinh năm 1959 (vắng mặt)

4.2. Bà Nguyễn Kim H, Sinh năm 1957 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, ấp S, Xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

4.3. Bà Lã Thị Kim K, sinh năm 1952, địa chỉ: Tổ 7, khu phố B, phường Hưng Chiến, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

4.4. Ông Bùi Đăng Q, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ 7, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Đặng Đình Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Người khởi kiện ông Đặng Đình Q trình bày:*

Vào tháng 02/1998, ông Q nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn T (nay đã chết), bà Nguyễn Kim H thửa đất có diện tích 540m². tọa lạc tại: Tổ 3, ấp S, Xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Việc chuyển nhượng chỉ lập giấy tay, không có công chứng, chứng thực hợp pháp. Ông T đo đạc và bàn giao đất cho ông Q theo như thỏa thuận. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông Q mót ao để cung cấp nước tưới cho cây hồ tiêu. Quá trình sử dụng đất có tranh chấp với bà Vũ Thị T nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng đất bà Theo đã lấy của ông Q diện tích đất 33m² (3m x 11m) để mở đường đi mà không được sự đồng ý của ông Q đồng thời hành lang lộ giới đường nông thôn 4m mà Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện H cấm mốc vào ngày 24/6/2017 là không đúng với thực tế con đường đi và lấn chồng lên đất của ông Q đã nhận chuyển nhượng của ông T, bà H. Vì vậy, ngày 05/9/2017 gia đình ông Q đã rào lại diện tích đất của ông Q đúng ranh giới ban đầu khi mua. Khi ông Q rào đất thì UBND xã A đã hai lần xuống hiện trường động viên, nhắc nhở ông Q không rào hàng rào trái phép lên đất dành cho giao thông đường bộ nhưng ông Q cho rằng ông rào trên đất của ông nên

ông Q vẫn tiếp tục rào. UBND xã A đã lập biên bản vi phạm hành chính nhưng ông Q không ký vào biên bản. Ngày 13/9/2017, Chủ tịch UBND xã A ra quyết định xử phạt số 96/QĐ-XPVPHC xử phạt ông Q số tiền 2.500.000đ và yêu cầu ông Q dỡ hàng rào. Khi xử phạt UBND xã A không xác minh làm rõ nguồn gốc đất mà đã vội kết luận ông Q lấn chiếm. Sau khi cấm mốc ông Q đã nhiều lần đến phòng tiếp công dân UBND huyện H để khiếu nại nhưng không được giải quyết. Nay ông Q yêu cầu Tòa án hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-XPVPHC ngày 13/9/2017 của chủ tịch UBND xã A.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A ông Mai Hoàng P và người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là ông Nguyễn Văn S thống nhất trình bày:*

Năm 1998, ông Q nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn T (đã chết), bà Nguyễn Kim H thửa đất có diện tích 540m² tọa lạc tại: Tổ 3, ấp S, Xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đặng Đình Q có xảy ra tranh chấp về quyền sử dụng đất với bà Vũ Thị T và đã được các cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhiều lần. Ngày 21/6/2005, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 1351/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đặng Đình Q. Theo sự chỉ đạo của UBND huyện H, ngày 24/5/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương tiến hành cấm mốc phần diện tích đất của ông Đặng Đình Q. Sau khi cấm mốc, ông Q không đồng ý nhận mốc. Ngày 05/9/2017, ông Q tự ý cấm hàng rào trên phần diện tích đất thuộc đường đi vào bên trong của một số hộ dân tại tổ 3, ấp S, xã A, huyện H. Khi phát hiện ông Q làm hàng rào vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 05/09/2017 đại diện UBND xã A do ông Nguyễn Văn S là Phó Chủ tịch xã A cùng cán bộ địa chính xuống xác minh thực tế phối hợp với ban ấp S tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc gia đình ông Q tự ý làm hàng rào trên phần đất đường giao thông nông thôn, đồng thời vận động gia đình ông Q phải tự giác tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu. Mặc dù vận động nhưng gia đình ông Q không tự giác thực hiện mà vẫn tiếp tục rào nên 14 giờ 00 phút ngày 06/09/2017 UBND xã đã thành lập đoàn kiểm tra tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Q. Ngày 07/9/2017 UBND xã A tiếp tục mời ông Q vận động ông Q tháo dỡ hàng rào nhưng ông Q không chấp hành nên Chủ tịch UBND xã A đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công công trình dựng hàng rào và yêu cầu ông Q trong thời gian 24 giờ phải trả lại hiện trạng ban đầu.

Ngày 13/9/2017, Chủ tịch UBND xã A đã ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ về hành vi dựng hàng rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ với số tiền 2.500.000đ và buộc ông Q phải khôi phục lại tình trạng ban đầu. Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã A khẳng định việc ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng; Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND xã A ra quyết định xử phạt là đúng thẩm quyền; Về thời hiệu xử phạt: Từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính tới ngày ra quyết định xử phạt còn thời hiệu xử phạt; Về trình tự, thủ tục: Đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; Về tính hợp pháp của

quyết định: Ông Q đã có hành vi vi phạm dựng hàng rào trái phép trên đất dành cho đường bộ mặc dù các ban ngành đoàn thể đã vận động, thuyết phục ông Q không thực hiện hành vi rào nhưng ông Q vẫn cố tình thực hiện. Việc ông Q rào đường đi ảnh hưởng đến việc đi lại của 4 hộ phía bên trong. Về pháp luật áp dụng: Đã áp dụng đúng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND xã A Quyết định số 96/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, căn cứ pháp luật cũng như nội dung.

Do đó đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì người bị kiện không đồng ý, vẫn giữ nguyên Quyết định số 96/QĐ-UBND.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chủ tịch UBND huyện H là ông Nguyễn Tấn C trình bày:* Căn cứ để UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan giao mốc: Căn cứ theo Quyết định 1351/QĐ-UBND của tỉnh để cắm mốc bàn giao cho ông Q. Theo Công văn số 2766/UBND-TD ngày 26/8/2013 Phòng Tài nguyên và Môi trường cũng đã thực hiện giao nhận cắm mốc theo bản vẽ ngày 24/7/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan cắm mốc. Là cơ quan quản lý đất, UBND huyện có ý kiến: Diện tích đất của ông Q đã được cắm mốc, nếu vi phạm thì xử lý theo luật xử lý vi phạm hành chính.

** Người làm chứng là bà Lã Thị Kim K trình bày:* Bà K và ông Q không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết vì bà Khánh có đất rẫy gần nhà ông Q. Năm 1994, gia đình bà K có mua 01 thửa đất khoảng 5 héc ta tại tổ 3, ấp S, xã A, huyện H. Khi mua đất thì đã thấy có con đường đi giáp đất ông Q hiện tại. Gia đình bà Khánh đi qua con đường này, đi qua suối cạn để vào rẫy phía trong. Khi mua đất bà Khánh chỉ thấy con đường là lối mòn rộng khoảng 1,5m, hai bên đường cỏ mọc. Con đường hiện tại đã được mở rộng và rộng hơn 3m. Do bà Khánh ít vào rẫy nên không biết con đường được mở rộng từ khi nào.

** Người làm chứng là ông Bùi Đăng Q trình bày:* Ông Quyên và ông Q không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết vì ông Q có đất rẫy gần nhà ông Q. Năm 1994, gia đình ông Q có mua 01 thửa đất khoảng 8 sào và năm 1995 có mua thêm 1,2 mẫu tại tổ 3, ấp S, xã A, huyện H. Khi mua đất thì chưa có đường đi vào đất ông Quyên. Ông T (đã chết) là chồng bà Nguyễn Kim H có cho ông Quyên 01 con đường đi (giáp đất ông Q hiện tại) rộng khoảng 1,5m, dài tới ngã ba đường đi chung. Năm 1995 ông Q mua thêm 1,2 mẫu đất thì chủ đất giáp đường đi hiện tại có cho ông Q thêm 3m chiều rộng để làm đường đi. Tổng cộng con đường rộng khoảng 4,5m. Năm 2000 ông Q trồng hai hàng cây xà cừ mỗi hàng khoảng 30 cây dọc theo hai bên đường. Đây là đường đi riêng của ông Quyên nhưng khi đo đạc chính quy năm 2000, do ông Q mướn người trông coi rẫy nên không biết việc đo đạc và nhà nước không đo con đường này nên hiện tại giấy GCNQSDĐ của ông Q không thể hiện con đường này và con đường này trên sơ đồ đo đạc của nhà nước là đường công cộng. Đối với thửa đất ông Q có ao có nguồn gốc do ông Q mua của chồng bà H là ông T năm 2000. Sau khi mua ông Q móc ao và ông Q cho ông Q đổ đất ao lên

con đường để nâng cao con đường. Sau khi ông Q móc ao ông Quyên mới trồng hai hàng cây xà cừ. Khi UBND huyện H làm thủ tục bàn giao mốc cho ông Q thì UBND huyện H có xin ông Q cưa hàng xà cừ giáp đất công Q. Ông Q xác định con đường ngày xưa và con đường hiện tại là giống nhau và chiều rộng con đường tính từ hàng xà cừ giáp đất ông Q sang hàng xà cừ bên kia đường.

** Người làm chứng là bà Nguyễn Kim H trình bày:* Bà H và ông Q không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết vì nhà bà H gần nhà ông Q. Con đường mà ông Q làm hàng rào lên đã có từ trước khi ông Q mua đất. Khi ông Q mua đất của gia đình bà thì chồng bà là ông Trương Văn T (nay đã chết) là người chỉ ranh đất cho ông Q. Việc ông Q làm hàng rào lấn ra đường công cộng làm ảnh hưởng đến việc đi lại của người khác nên mới bị Chủ tịch UBND xã A xử phạt hành chính là đúng.

** Người làm chứng là bà Vũ Thị T trình bày:* Bà T và ông Q không có quan hệ họ hàng gì mà chỉ quen biết vì nhà bà Theo gần nhà ông Q. Con đường ông Q làm hàng rào đã có từ trước khi ông Q mua đất. Lúc đầu con đường có diện tích nhỏ sau đó được mở rộng ra. Ông Q rào lấn ra đường công cộng nên mới bị UBND xã A xử phạt theo quy định của pháp luật, đồng thời ông Q rào hàng rào đã ảnh hưởng đến việc đi lại của bà T.

Tại phiên tòa:

- *Người khởi kiện* ông Đặng Đình Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 96/QĐ-UBND; Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Nguyễn Văn S vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị kiện, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q là luật sư Dương Vĩnh T cho rằng:* Tại biên bản vi phạm hành chính ghi người lập là Đỗ Tiến D và Hồ Văn P nhưng không ghi chức vụ những người này; UBND xã A cho rằng ông Q lấn đường giao thông nhưng chưa xác định được con đường có chiều ngang bao nhiêu mét mà thực tế thì đây là con đường mòn và có điểm kết thúc tại bờ suối nên đường này không phải là đường giao thông; UBND huyện H căn cứ vào Quyết định số 1351/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước để làm căn cứ giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc cấm mốc cho hộ ông Q nhưng đây là văn bản mang tính chỉ đạo chứ không phải là một phán quyết do đó việc cấm mốc của Phòng Tài nguyên và Môi trường chưa đảm bảo thủ tục; ông Q mua của ông T, bà Huê diện tích là 540m², vậy cơ sở nào để Phòng Tài nguyên và Môi trường cấm mốc như vậy cho ông Q. Do đó, quyết định xử phạt ông Q là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Q sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-UBND.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những

người tham gia tố tụng trong vụ án đã tuân theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa chứng minh được đất thuộc loại đường gì, đất có phần hành lang hay không nên không có cơ sở xác định việc lập hàng rào là vi phạm đường giao thông nông thôn. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của ông Q là có căn cứ một phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Q hủy Bản án sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Quyết định số 96/QĐ-UBND là quyết định hành chính do Chủ tịch UBND xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước ban hành nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 13/9/2017 Chủ tịch UBND xã A ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND để xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đặng Đình Q. Ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân huyện H nhận được đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2017 của ông Q đối với quyết định trên nên việc khởi kiện của ông Q là nằm trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Thời hạn kháng cáo: Ngày 14/6/2018, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm và tuyên bản án số 01/2018/HC-ST. Ngày 25/6/2018, ông Q có đơn kháng cáo nộp cho Tòa án. Do đó, đơn kháng cáo của ông Đặng Đình Q là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện đề giải quyết phúc thẩm.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 13/9/2017: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và điểm b khoản 1 Điều 71 Nghị định 46/2016/ NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ thì vụ việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã A. Do điều kiện công tác nên vào ngày 04/01/2017, Chủ tịch UBND xã A là ông Mai Hoàng P đã có Thông báo số 01/TB-GQ về việc giao quyền trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch xã A là ông Nguyễn Văn S. Ngày 01/9/2017, Chủ tịch xã A tiếp tục có văn bản ủy quyền cho ông S được thay mặt ông Phúc giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của chủ tịch trong thời gian ông Phúc tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng năm 2017. Do đó, vào ngày 13/9/2017, ông S đã ký ban hành Quyết định số 96/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn ban hành và hình thức quyết định hành chính:

Ngày 05/9/2017, ông Q bắt đầu tiến hành lập hàng rào. Do có khiếu nại của các hộ lân cận đang sử dụng chung con đường là hộ bà Theo, ông Q nên đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, ông Nguyễn Văn S là Phó chủ tịch UBND xã A cùng cán bộ địa chính và ban ấp S tiến hành lập biên bản ghi nhận sự việc gia đình ông Q tự ý làm hàng rào trên phần đất đường giao thông nông thôn, đồng thời vận động gia đình ông Q phải tự giác tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu. Tuy nhiên gia đình ông Q không tự giác thực hiện nên 14 giờ 00 phút ngày 06/09/2017, UBND xã A phối hợp với các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Q. Ngày 07/9/2017, UBND xã A tiếp tục vận động ông Q tháo dỡ hàng rào nhưng ông Q không chấp hành nên UBND xã A đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công công trình dựng hàng rào và yêu cầu ông Q trong thời gian 24 giờ phải trả lại hiện trạng ban đầu nhưng ông Q vẫn không thực hiện. Vì vậy, ngày 13/9/2017 Chủ tịch UBND xã A ra Quyết định số 96/QĐ-UBND về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với mức phạt 2.500.000đ đối với ông Q. Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, điểm a khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 66, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì Quyết định số 96/QĐ-UBND được ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thời hiệu, thời hạn và hình thức theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung Quyết định số 96/QĐ-UBND ngày 13/9/2017:

Tại phiên tòa, ông cho rằng: Tháng 2 năm 1998 ông Q có nhận chuyển nhượng của ông Trương Văn T, bà Nguyễn Kim H diện tích đất 540m² tọa lạc tại tổ 3 ấp S, A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Đến ngày 13/12/1999 các bên mới làm giấy tay với nhau mà không có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vào thời gian chuyển nhượng ông T, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Cho đến nay phần đất mà ông Q nhận chuyển nhượng của ông T, bà H thì ông Q vẫn chưa làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ còn ông T, bà H thì sau khi chuyển nhượng đất cho ông Q đến tháng 11/1999 ông T, bà H đã đi đăng ký và được cấp sổ đối với phần đất còn lại theo GCNQSDĐ số 10810/QSDĐ do UBND huyện B (nay là huyện H) cấp ngày 29/01/1999. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông Q tiến hành móc ao để lấy nước phục vụ tưới cho vườn cây của ông. Khi ông nhận chuyển nhượng đất của ông T, bà Huê thì cạnh phần đất của ông đã có con đường như hiện nay và khi đào ao ông có chừa một khoảng rồi mới tới con đường. Vào ngày 05/9/2017, ông và gia đình đã tiến hành lập hàng rào bằng cột gỗ và dây thép gai để bảo vệ phần đất giáp đường đi của mình theo đúng ranh giới mà khi ông mua đất ông T đã chỉ nhưng Chủ tịch UBND xã A lại ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000đ đối với ông vì cho rằng ông có hành vi lập hàng rào trái phép trong phạm vi đất dành cho đường bộ là không đúng nên ông khởi kiện yêu cầu hủy quyết định này.

Xét lời trình bày của ông Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q cho rằng ông Q đã lập hàng rào đúng phần đất ông Q mua theo sự chỉ ranh của người bán (ông T) là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này là không phù hợp, bởi lẽ: Thứ nhất, khi các bên giao dịch chuyển nhượng thì đất chưa có GCNQSDĐ nên không có cơ sở xác định ông T, bà Huê được quyền sử dụng phần đất theo ranh mà ông T đã chỉ cho ông Q; Thứ hai, từ khi ông Q nhận chuyển nhượng cho đến nay ông Q cũng chưa được cấp GCNQSDĐ nên không có cơ sở chứng minh ông Q đã được nhà nước cấp cho quyền sử dụng diện tích đất 540m² theo ranh giới mà ông đã dựng hàng rào; Thứ ba, diện tích hai bên thỏa thuận chuyển nhượng cho nhau mang tính ước lệ chứ không ghi cụ thể chiều dài tứ cận trong khi thực tế chiều dài các tứ cận theo xem xét, thẩm định thực tế là không bằng nhau, cụ thể tại Giấy chuyển nhượng đất giữa các bên chỉ ghi “*Tôi có sang lại cho ông diện tích đất có chiều dài là 54m, chiều ngang đầu trên 11m, đầu dưới 9m để cho ông móc ao*”; Thứ tư, chính ông Q cũng thừa nhận con đường đất này từ khi ông mua đất của ông T, bà H cho đến nay vẫn như vậy, chỉ khác là trước đây mặt đường thấp hơn bây giờ do khi ông đào ao có đổ đất tân lên mặt đường; Thứ năm, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Q đều thừa nhận “*tôi là người ký ranh đất để ông T, bà H làm sổ đỏ*” đối với phần đất còn lại của ông T, bà H sau khi chuyển nhượng một phần cho ông Q (bút lục 30). Trong khi đó, tại GCNQSDĐ mà bà H được cấp ngày 29/01/1999 thể hiện rõ giáp dọc phần đất mà ông Q đã nhận chuyển nhượng của ông T, bà H về phía Đông bắc là con đường và tại “Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất theo hiện trạng” do đoàn công tác lập vào ngày 18/11/1998 (bút lục 36) để làm căn cứ cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông T, bà H thể hiện thì con đường này có chiều rộng là 4m chạy dọc sát cạnh về phía đông bắc của đất ông Q. Biên bản này có chữ ký xác nhận của ông Q tại mục “Tiếp giáp các chủ sử dụng liền ranh”. Mặt khác, tại Trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình Long lập ngày 18/10/2018 và bản đồ bổ sung ngày 01/11/2018 thể hiện thì hàng rào do ông Q và gia đình lập ngày 05/9/2017 đã lấn vào con đường thực tế hiện hữu cũng như vượt qua ranh giới cột mốc mà Phòng Tài nguyên và Môi trường đã cắm cho hộ ông Q là 27,3m² với lần lượt các điểm lần tính từ phía đường giáp bờ suối là 0,54m, 0,22m, 0,83m và 1,11m. Do đó, có cơ sở xác định ông Q đã lập hàng rào lấn vào phạm vi của đường giao thông chung.

Xét ý kiến của ông Q và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông cho rằng ông Q mua của ông T, bà H diện tích đất 540m², nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường lại cắm mốc giới phần đất ông Q mua (với diện tích 517,5m²) là không có cơ sở. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi nhận chuyển nhượng của ông T, bà Huê, quá trình sử dụng đất giữa ông Q và hộ giáp ranh là bà Vũ Thị T (ông Vũ Quang N) có tranh chấp đất, do có sự tranh chấp này nên vụ việc được UBND các cấp giải quyết nhiều lần, trong đó vào ngày 21/6/2005 UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1351/QĐ-UBND ngày 21/6/2005 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Q, trong quyết định này có nội dung “*Giao cho UBND huyện Bình Long: ...cắm mốc, xác định ranh giới giữa các hộ*” (bút lục 158). Trên cơ sở quyết định này, UBND huyện Bình Long (nay là H) đã giao

cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện cắm mốc đất để giao cho ông Q sử dụng diện tích 517,5m². Việc cắm mốc được thực hiện nhiều lần, trong đó lần cuối cùng là vào ngày 24/5/2017, các lần cắm mốc ông Q đều tham gia chứng kiến, mặc dù ông không ký nhận mốc giới nhưng ông Q cũng không khiếu nại hoặc khiếu kiện về việc cắm mốc này. Do đó, các mốc cắm mà Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H cắm tại tứ cận phần đất nhà ông Q được coi là cơ sở để xác định ranh đất của gia đình ông Q cũng như là căn cứ xác định ranh giới giữa phần đất của ông Q với con đường hiện là lối giao thông chung của khu vực. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù chỉ số chiều ngang con đường thể hiện trong Biên bản xác định mốc giới làm cơ sở cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huê thể hiện thì đường rộng 4m và chỉ số ghi trên bản đồ là có khác nhau (theo bản đồ thì con đường có đoạn rộng 4,66m) nhưng theo Trích đo bản đồ địa chính và TRích đo bản đồ sau khi Tòa án yêu cầu bổ sung do Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ Bình Long lập các ngày 18/10/2018, 01/11/2018 và Biên bản thẩm định của Tòa án thể hiện thì ranh giới thực tế giữa con đường hiện hữu và mốc giới do Phòng Tài nguyên và Môi trường đã cắm để giao đất cho gia đình ông Q đối với cạnh phía đông bắc của đất ông Q là trùng khớp với nhau và hàng rào ông Q lập là vượt ra khỏi điểm mốc giới này theo các điểm lần đã liệt kê ở trên.

[3] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở xác định ông Q có hành vi lập hàng rào trong phạm vi đất dành cho đường bộ nên Chủ tịch UBND xã A ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này với mức phạt 2.500.000đ là đúng theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 46/2006/NĐ-CP ngày 26/5/2006 của Chính phủ quy định trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt. Do đó, kháng cáo của ông Q về việc yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND xã A là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là không phù hợp nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông Q không được chấp nhận nên ông Q phải chịu các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ các Điều 38, 57, 58, 66, 67, 68 của Luật xử phạt vi phạm hành chính năm 2012; điểm a khoản 4 Điều 12 Nghị định 46/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của

Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

- Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đặng Đình Q.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2018/HC-ST ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về việc tuyên:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Đình Q về yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 96/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Về án phí:

+ Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đặng Đình Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012351 quyền số 000248 ngày 09/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

+ Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đặng Đình Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004780 quyền số 0096 ngày 25/6/2018 tại Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Đình Q phải chịu các khoản sau:

+ Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ được khấu trừ vào số tiền ông Q đã nộp theo phiếu thu ngày 04/12/2017 tại Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

+ Số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng 5.000.000 đồng ông Q đã nộp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước vào ngày 01/10/2018. Số tiền tạm ứng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) ông Q đã nhận lại vào ngày 25/10/2018.

+ Số tiền 3.165.091đ (Ba triệu một trăm sáu mươi năm nghìn không trăm chín mươi một nghìn đồng) chi phí đo đạc.

Do các khoản tiền trên ông Q đã nộp đủ nên không có nghĩa vụ phải tiếp tục thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Khương

Vũ Hoàng Linh

Đinh Thị Quý Chi

